

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2022/HS- ST**  
Ngày: **09/06/2022**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 29/04/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HS ngày 27/05/2022 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn H,** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại huyện K tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 10, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Trần Văn T; sinh năm 1965; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị D; sinh năm 1970; Hiện bố và mẹ đều lao động tự do và trú tại, xóm 10, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1995; Con: 01 con, sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: ngày 23/3/2012 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H, Thành phố Hà Nội ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 183 và Quyết định khởi tố bị can số 267 đối với Trần Văn H về tội “Cố ý gây thương tích”; Quyết định khởi tố bị can số 267 đối với Trần Văn H không được Viện kiểm sát nhân dân quận H phê chuẩn tại văn bản số 140/ CV-VKS-HS ngày 23/03/2012. Vụ án đang tạm đình chỉ điều tra vụ án số 29, tạm đình chỉ điều tra bị can số 24 đối với Trần Văn H do cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H ra Quyết định tạm đình chỉ ngày 19/7/2012.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/11/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Vũ Công Đ,** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1944 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: số nhà 06, ngõ 14, đường M, tổ 12. Phường N, TP. T, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Vũ Công D1(đã chết); Mẹ đẻ: Phạm Thị H1 (đã chết); Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ thứ nhất: Vũ Thị T1, sinh năm 1949 (đã ly hôn; Có 03 con chung con lớn nhất sinh năm 1971 con nhỏ nhất sinh năm 1975 (đều đã chết); Vợ thứ hai: Phan Thị T2, sinh năm 1970; Có 01 con chung, sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Ngày 24/8/2017 bị công an phường N, TP. T xử phạt hành chính về hành vi “Bán bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề” phạt tiền 1.000.000đ đã chấp hành việc nộp phạt vào ngày 01/9/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/11/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Hoàng Thế A**, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 7, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Hoàng Đại X; sinh năm 1969; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M; sinh năm 1970; Hiện bố và mẹ đều lao động tự do và trú tại, xóm 7, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 04 anh chị em, bị can là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:** Anh Phan Văn K, Trần Văn C, Trần Văn C1, Vũ Văn T3 (vắng mặt tại phiên tòa). Chị Phan Thị T2( có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành triệu tập Trần Văn H để xác minh, làm rõ tố giác của ông Vũ Công Đ về hành vi chiếm đoạt tài sản, quá trình điều tra xác định được như sau:

Tháng 10/2021, Vũ Công Đ có nhờ em vợ là Phan Văn K, sinh năm 1982, trú tại xóm 2B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ký hợp đồng thử việc làm đại lý bán vé số với Công ty TNHH MTV Xổ Số kiến thiết Ninh Bình, Đ trực tiếp bán vé số tại nơi ở của vợ tại xóm 2B, xã L, huyện K. Ngoài việc bán vé số, Đ còn bán các số lô, số đề trái phép cho người khác để nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Cách thức chơi và trả thưởng: số đề sẽ so với 02 số cuối của giải đặc biệt, Đ khuyến mại 20% hoa hồng cho người chơi nên nếu trúng thì người bán sẽ phải trả gấp 84 lần tương ứng với số tiền khách mua. Đ bán 01 điểm lô với giá 23.000đồng, số lô được so với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt, mỗi điểm lô nếu trúng thì người mua được 80.000 đồng, nếu người mua 01 số lô mà số này trùng với 02 số cuối của nhiều giải từ giải bảy đến giải đặc biệt thì người bán phải trả số tiền tương ứng với số lần trúng thưởng. Đối với lô xiên 2 trả thưởng gấp 10 lần, lô xiên 3 trả gấp 40 lần. Nếu người mua không trúng thì Đ sẽ được hưởng số tiền mà người mua bỏ ra. Bảng hình thức nêu trên trong các ngày

26/10/2021 đến 28/10/2021 Đ đã bán các số lô số đề cho Trần Văn H và Hoàng Thế A cụ thể như sau:

Chiều ngày 26/10/2021, Trần Văn H đến quầy xổ số của Đ hỏi mua số lô “04” với giá 230.000đ tương ứng 10 điểm lô sau khi có kết quả xổ số miền Bắc ngày 26/10/2021 H đã trúng thưởng được 800.000đ. Tổng số tiền H và Đ sử dụng để đánh bạc ngày 26/10/2021 là 1.030.000đ.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/10/2021, Trần Văn H đi cùng Hoàng Thế A đến quầy xổ số của Đ để nhận thưởng; tại quầy vé số của Đ, H tiếp tục mua mua số lô, số đề với Đ là tổng số tiền là 1.700.000đ; trong đó có số đề “46” với giá 100.000đ được ghi một tờ giấy kê ô ly từ trước và đưa cho Đ, Đ cầm giấy và viết vào quyển sổ ghi chép của mình rồi ký vào tờ giấy H đã ghi số lô số đề trước đó. Sau khi trừ tiền thưởng 800.000đ hôm trước và không mang đủ nên H vay của Thế A đi cùng số tiền 600.000đ và nói với Thế A nếu trúng thưởng sẽ cho Thế A một phần tiền nên Thế A đồng ý cho H vay tiền để trả tiền mua số lô, số đề cho Đ; số tiền 300.000đ còn thiếu H xin nợ lại được Đ đồng ý. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc ngày 27/10/2021 H đã trúng thưởng số đề “46”. Tổng số tiền H, Đ và A sử dụng đánh bạc trong ngày là 10.100.000đ.

Khoảng 19 giờ ngày 27/10/2021, H và A đến gặp Đ để lĩnh tiền thưởng nhưng không mang theo tờ giấy ghi các số đề, số lô lúc trước. Khi H đến, Đ kiểm tra trong sổ ghi chép thấy ghi số đề “46” với giá 100.000đ nên Đ đã đồng ý trả H trúng thưởng 8.400.000đ. Do H không mang theo cấp đề nên Đ trả trước cho H số tiền 4.000.000đ số tiền còn lại hôm sau trả, sau khi nhận được tiền thì H cho Thế A 1.000.000đ.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/10/2021, H đến quầy vé số của Đ để nhận tiền thắng ngày hôm trước và mua tiếp các số lô, số đề. Trước khi đến quầy vé số H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Đ nên sử dụng bút tẩy bay màu mực có mực dạng nước màu xanh do H đặt mua trên mạng của một người không quen biết và 01 bút nước màu xanh dạng bút “chữ A” để viết các số lô, số đề cùng mức tiền muốn mua vào tờ giấy “cấp đề” như trước, trong đó có số đề “30” với giá 250.000đ và gọi cho Thế A đến để đi uống bia mừng thắng đề. H đến quầy của Đ trước và H chỉ mua số lô “92” với mức tiền 1.150.000đ. Sau khi trừ tiền mua số lô số đề mới và nợ 300.000đ cũ đồng thời cho Đ 50.000đ, H được Đ trả số tiền 2.900.000đ. Sau đó H cầm “cấp đề” đưa cho Thế A lúc này mới đến, đồng thời đưa cho Anh số tiền 1.400.000đ để nhờ Thế A mua các số lô, số đề trong đó có số đề “30” mà trước đó H đã viết ra giấy với lý do qua đã trúng đề do vay tiền nay nhờ vía Thế A đứng ra mua. Thế A không xem các số trên “cấp đề” H đã chọn nên đưa “cấp đề” cho Đ để mua các số này cùng mức tiền ghi sẵn trên đó với tổng số tiền 1.250.000đ; sau khi ghi chép xong các số lô, số đề A mua vào sổ theo dõi, Đ viết và ký tên vào “cấp đề” rồi đưa lại cho A. Sau khi mua lô đề cả hai đến quán bia gần đó ngồi uống bia, A lấy “cấp đề” đưa lại cho H. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày sau khi có kết quả xổ số có giải đặc biệt là số “69”, H kiểm tra thấy không trúng thưởng số nào thì H vào nhà vệ sinh của quán dùng phần tẩy của bút tẩy bay màu mực mang theo tẩy số “30” ghi trên “cấp đề” rồi dùng bút nước mực xanh mang theo sửa thành số “69” cho trùng với số cuối của giải đặc biệt. Sau khi

tẩy xóa và sửa chữa xong, H thông báo với Thế A là đã trúng thưởng và bảo A mang theo “cáp đề” đến gặp Đ lấy thưởng vì do Thế A ghi đến lấy là phù hợp và hứa sẽ cho Thế A tiền còn mình đi về.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/10/2021, A mang cáp đề đến gặp Đ và yêu cầu Đ trả thưởng. Đ kiểm tra các số ghi trên “cáp đề” và trong sổ ghi chép thì thấy không trùng khớp về số đề trên cáp đề ghi số “69” còn trong sổ ghi số “30” nên không đồng ý trả thưởng cho A. Do không được trả thưởng nên A gọi H đến khi đến nơi H yêu cầu Đ phải trả thưởng số tiền trúng số đề “69” mua với số tiền 250.000đ như trên “cáp đề” mức thưởng là 21.000.000đ cho Thế A vì chính những số trên cáp do H nghĩ và nhờ H đánh. Sợ bị lộ việc ghi lô đề nên Đ đồng ý trả thưởng hai bên thỏa thuận sẽ trả thưởng là 18.000.000đ nhưng do không đủ tiền nên Đ trả trước cho A 5.000.000đ và viết cam kết nhận nợ 13.000.000đ vào “cáp đề”; sau khi nhận tiền trên đường về Thế A đưa cho H.

Chiều ngày hôm sau 29/10/2021, H và A đến quầy xổ số của ông Đ để lấy số tiền thưởng còn lại nhưng ông Đ không đồng ý trả vì cho rằng A và H đã sửa chữa số đề ghi trên “cáp đề” các bên xảy ra cãi vã, xô xát thì bị Công an xã L phát hiện sự việc.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra thu 01 tờ giấy có dòng kẻ ô ly nhãn hiệu Hải Tiến kích thước (16,2 x 20,5)cm trên mặt giấy có chữ viết tay bằng mực bút bi màu đen và mực màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme Note 9 pro của A; thu giữ 01 quyển vở học sinh kẻ ngang KT (17 x 25)cm gồm 53 tờ cả bìa và 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell M389 của Đ, không thu giữ được bút tẩy bay màu mực và bút loại “chữ A” mà H sử dụng để viết và tẩy số đề ngày 28/10/2021 và không thu giữ được cáp đề mà bị can H sử dụng trong ngày 27/10/2021 do H đã làm mất. Đối với tờ giấy trong sổ Đ ghi chép số lô, số đề ngày 27/10/2021 Đ đã xé và đốt, chiếc bút bi Đ dùng để viết bị mất nên không thu giữ được các vật chứng trên.

Tại bản kết luận giám định số 25/KLGD-PC09-TL ngày 21/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Cáp đề mà H và A sử dụng trong ngày 28/10/2021 có dấu vết tẩy xóa, sửa chữa tại dòng số 6 tính từ trên xuống trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A, số “69” được sửa chữa từ số nguyên thủy “30”. Các chữ viết, chữ số được viết bằng mực bút bi màu đen (trừ chữ ký dạng không đọc được) trên mẫu tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ số của ông Vũ Công Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra. Các chữ viết, chữ số được viết bằng mực màu xanh trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ số của Trần Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M8 là do cùng một người viết ra.

Về xử lý vật chứng: Chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện K các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9 pro màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen cùng các sim điện thoại.

Về vấn đề dân sự: trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo Trần Văn H đã trả lại cho Đ tổng số tiền 9.200.000đ (gồm 4.200.000đ là tiền do Đ cho rằng đã trả nhầm cho H ngày 27/10/2021 và 5.000.000đ H đã chiếm đoạt của Đ ngày 28/10/2021).

Bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 28/04/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Vũ Công Đ và Hoàng Thế A về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1,3 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1,3 Điều 321 và tội” Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố trong cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: các bị cáo Vũ Công Đ, Trần Văn H, Hoàng Thế A phạm tội “Đánh bạc”; bị cáo Trần Văn H phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, o s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt: bị cáo Vũ Công Đ, từ 26 đến 29 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS xử phạt: Bị cáo Trần Văn H từ 23 đến 26 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt: Bị cáo Hoàng Thế A từ 20 đến 23 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65 BLHS xử phạt: Bị cáo Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Văn H buộc bị cáo phải chịu hình phạt cho cả hai tội mà bị cáo đã thực hiện .

- Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 và Điều 136 BLHS năm 2015 và Nghị quyết 326/UBTVQH14:

- + Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9 pro màu trắng cho bị cáo Thế A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen cùng các sim điện thoại cho bị cáo Điện nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- + Truy thu từ bị cáo Vũ Công Đ số tiền 8.580.000đ sung quỹ nhà nước.

- + Truy thu từ bị cáo Hoàng Thế A số tiền 1.150.000đ sung quỹ nhà nước.

- + Truy thu từ bị cáo Trần Văn H số tiền 1.300.000đ sung quỹ nhà nước.

- + Buộc bị cáo Trần Văn H và Hoàng Thế A phải nộp 200.000đ án phí hình sự. Miễn án phí Hình sự cho bị cáo Vũ Công Đ.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh của các bị cáo:

[1.1] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Công Đ khai nhận như sau:

Bị cáo ký hợp đồng thử việc làm đại lý bán vé số với Công ty TNHH MTV Xổ xổ kiến thiết Ninh Bình, Đ trực tiếp bán vé số tại nơi tạm trú ở xóm 2B, xã L, huyện K. Ngoài việc bán vé số, bị cáo còn bán các số lô, số đề trái phép cho người khác để kiếm thêm thu nhập; chiều ngày 26/10/2021, Trần Văn H đến quầy

xổ số của bị cáo hỏi mua số lô “04” với giá 230.000đ tương ứng 10 điểm lô sau khi có kết quả xổ số miền Bắc ngày 26/10/2021 H đã trúng thưởng được 800.000đ.

Chiều ngày 27/10/2021 Trần Văn H đi cùng Hoàng Thế A đến quầy xổ số của bị cáo mua số đề “46” với giá 50.000đ và một số con số lô đề khác khác với tổng số tiền H đã mua số lô, số đề với Đ là 1.700.000đ; sau khi trừ đi số tiền trúng thưởng 800.000đ hôm trước còn thiếu 900.000đ thì H vay của Thế A số tiền 600.000đ để mua số lô, số đề và xin nợ Đ số tiền 300.000đ thì Đ đồng ý. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc ngày 27/10/2021 H đã trúng thưởng số đề “46”; khoảng 19 giờ cùng ngày H và A đến gặp Đ để lĩnh tiền thưởng nhưng không mang theo tờ giấy ghi các số đề, số lô lúc trước. Khi H đến, Đ kiểm tra trong sổ ghi chép thấy ghi số đề “46” với giá 100.000đ nên Đ đã đồng ý trả H trúng thưởng 100.000đ. Do H không mang theo cap đề nên Đ trả trước cho H số tiền 4.000.000đ số tiền còn lại hôm sau trả.

Chiều ngày 28/10/2021, H đến quầy vé số của Đ để nhận tiền thưởng ngày hôm trước và mua số lô “92” với mức tiền 1.150.000đ. Sau khi trừ tiền mua số lô, số đề thì H cho Đ 50.000đ, H nhận từ Đ số tiền 2.900.000đ thì đưa cho Thế A số tiền 1.400.000đ nhờ Thế A mua các số lô, số đề mà trước đó H đã viết ra giấy với số tiền đánh 1.250.000đ. Sau khi ghi chép xong các số lô, số đề A mua vào sổ theo dõi, Đ viết và ký tên vào “cáp đề” rồi đưa lại cho A

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, A mang cap đề đến gặp Đ và yêu cầu Đ trả thưởng. Đ kiểm tra các số ghi trên “cáp đề” và trong sổ ghi chép thì thấy không trùng khớp về số đề trên cap đề ghi số “69” còn trong sổ ghi số “30” nên không đồng ý trả thưởng cho A, sau đó A gọi H đến rồi H to tiếng yêu cầu Đ phải trả thưởng số tiền trúng số đề “69” mua với số tiền 250.000đ như trên “cáp đề” mức thưởng là 21.000.000đ. Vì sợ bị phát hiện Đ đồng ý trả thưởng nhưng xin tiền hoa hồng 3.000.000đ thì được A và H đồng ý; số tiền Đ hứa trả cho A là 18.000.000đ; trả trước cho A 5.000.000đ, số còn lại Đ viết cam kết nhận nợ 13.000.000đ vào “cáp đề” rồi đưa cho H, A. Ngày hôm sau do nghi ngờ bị lừa nên bị cáo đã báo cáo công an xã và vụ việc bị phát hiện.

Bị cáo không biết bị cáo H sửa chữa số 30 thành 69 như thế nào và vào lúc nào; bị cáo H và bị cáo Thế A có bàn bạc phối hợp sửa chữa cap đề để lừa bị cáo không thì bị cáo không biết.

[1.2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn H khai nhận:

Về hình thức đánh bạc và số tiền đánh bạc trong các ngày 26/10/2021 và ngày 27/10/2021 giữa bị cáo và bị cáo Đ như bị cáo Đ đã khai số tiền đánh bạc hai ngày này đã được thanh toán xong giữa các bị cáo mà không có tranh chấp gì, khi trúng đề này 27/10/2021 bị cáo cho bị cáo Thế A 1.000.000đ như đã hứa khi vay tiền.

Về hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo Đ thực hiện ngày 28/10/2021 bị cáo Huy khai: trước khi đến quầy vé số của Đ để nhận tiền thưởng ngày hôm trước và mua các số lô, số đề mới. H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Đ nên đã chuẩn bị bút mực nước màu xanh và bút tẩy bay màu mực dạng bút “chữ A” mà H mua trên mạng của một người không quen biết; để viết các số lô, số đề cùng mức tiền muốn mua vào tờ giấy kẻ ô ly; H sử dụng bút này để viết số đề “30” với giá

250.000đ sau đó hẹn bị cáo Thê A đến quầy của Đ lĩnh nốt thưởng để đi uống bia. Khi đến quầy của Đ, H chỉ mua số lô “92” với mức tiền 1.150.000đ. Sau khi trừ tiền mua số lô số đề và cho Đ 50.000đ, H được Đ trả thêm số tiền 2.900.000đ. Khi Thê A đến, H cầm “cáp đề” chuẩn bị sẵn đưa cho Thê A, đồng thời đưa cho A số tiền 1.400.000đ nhờ Thê A mua các số lô, số đề trong đó có số đề “30” mà trước đó H đã viết ra giấy với lý do số Thê A may vì hôm qua vay tiền đánh đề trúng. Thê A không xem các số trên “cáp đề” H đã mà đưa “cáp đề” cho Đ để mua các số này cùng mức tiền ghi sẵn trên đó với số tiền 1.250.000đ. Đ viết vào sổ của Đ và ký tên vào “cáp đề” rồi đưa lại cho Thê A. Khi mua xong lô đề đến quán bia gần đó thì Thê A lấy “cáp đề” ra và đưa cho H.

Cả hai ngồi uống đến 18 giờ 30 phút cùng ngày sau khi có kết quả xổ số có giải đặc biệt là số “69”, H kiểm tra thấy không trúng thưởng số nào đã vào nhà vệ sinh dùng phần tẩy của bút tẩy bay màu mực mang theo tẩy số “30” ghi trên “cáp đề” rồi dùng bút nước mực xanh mang theo sửa thành số “69” cho trúng với số cuối của giải đặc biệt. Sau khi tẩy xóa và sửa chữa xong, H thông báo với Thê A là đã trúng thưởng và bảo A mang theo “cáp đề” đến gặp Đ để nhận thưởng do Thê A trực tiếp ghi và hứa sẽ cho tiền Thê A còn mình đi về. Khi Thê A mang cáp đề đến gặp Đ nhận thưởng thì Đ không đồng ý trả thưởng nên Thê A gọi H đến để làm chứng; tại đây H to tiếng yêu cầu Đ phải trả thưởng số tiền trúng số đề “69” mua với số tiền 250.000đ như trên “cáp đề” vì chính là số do bị cáo ghi và mức thưởng là 21.000.000đ thì Đ đồng ý trả thưởng và xin 3.000.000đ. Số tiền Đ hứa trả cho A là 18.000.000đ nhưng do không đủ tiền nên Đ trả trước cho A 5.000.000đ. Đ còn viết cam kết nhận nợ 13.000.000đ vào “cáp đề” rồi đưa cho H, A đi về.

Ngày hôm sau, H và A đến quầy xổ số của ông Đ để lấy số tiền thưởng còn lại nhưng Điện không đồng ý trả vì cho rằng A và H đã sửa chữa số đề ghi trên “cáp đề” xảy ra cãi vã, xô xát thì bị Công an xã L phát hiện sự việc.

Bị cáo xác định nhờ bị cáo Thê A ghi hộ lô, đề bị cáo Thê A không biết bị cáo đã sửa chữa số đề trên cáp đề và bị cáo lợi dụng Thê A đi lấy thưởng nhằm tránh bị ông Đ nghi ngờ phát hiện.

[1.3] Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thê A khai nhận: Về hình thức đánh bạc và số tiền đánh bạc trong các ngày 26/10/2021 và ngày 27/10/2021 giữa bị cáo và bị cáo H với bị cáo Đ giống như bị cáo Đ đã khai; số tiền đánh bạc hai ngày này đã được thanh toán xong; ngày 27/10/2021 khi bị cáo H hỏi vay tiền để trả tiền ghi lô, đề; do bị cáo H hứa nếu trúng sẽ cho bị cáo tiền nên biết việc ghi lô đề là sai nhưng bị cáo vẫn cho H vay tiền và được H cho 1.000.000đ khi trúng.

Về hành vi thực hiện ngày 28/10/2021 cùng với bị cáo H: bị cáo được bị cáo H rủ đến quầy vé số của Đ để nhận tiền thưởng ngày hôm trước và mua các số lô, số đề. Khi đến quầy của Đ, bị cáo đã thấy H ngồi ở đó và đã mua số lô “92” với mức tiền 1.150.000đ; khi bị cáo đến thì H cầm “cáp đề” cùng với số tiền 1.400.000đ bảo bị cáo ghi nhưng bị cáo không ghi thì H nhờ bị cáo mua các số lô, số đề trong đó lấy may vì hôm qua bị cáo cho vay tiền nên mới trúng và hứa nếu trúng sẽ cho bị cáo tiền. Bị cáo không xem các số trên “cáp đề” H đã chọn nên đưa “cáp đề” cho Đ để mua các số này cùng mức tiền ghi sẵn trên đó tổng là

1.250.000đ. Sau khi ghi chép xong các số lô, số đề A mua vào sổ theo dõi, Đ viết và ký tên vào “cáp đề” rồi đưa lại cho bị cáo. Sau khi mua lô đề H và bị cáo đến quán bia gần đó, bị cáo lấy “cáp đề” ra và đưa cho H. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày sau khi có kết quả xổ số có giải đặc biệt là số “69”; H nói với bị cáo là đã trúng con 69 và bảo đến gặp Đ để nhận thưởng còn H đi về.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, A mang cáp đề đến gặp Đ và yêu cầu Đ trả thưởng. Đ kiểm tra các số ghi trên “cáp đề” và trong sổ ghi chép thì thấy không trùng khớp về số đề trên cáp đề ghi số “69” còn trong sổ ghi số “30” nên không đồng ý trả thưởng cho bị cáo nên bị cáo gọi H đến để làm chứng; khi H đến to tiếng yêu cầu Đ phải trả số tiền trúng số đề “69” mà bị cáo mua với số tiền 250.000đ như trên “cáp đề” đã ghi vì số này do chính H nghĩ ra và ghi ra giấy, theo thỏa thuận là 21.000.000đ thì Đ đồng ý trả thưởng cho nhưng xin 3.000.000đ thì được bị cáo và H đồng ý. Số tiền Đ hứa trả cho bị cáo là 18.000.000đ, trả trước cho 5.000.000đ; còn lại viết cam kết nhận nợ 13.000.000đ vào “cáp đề” rồi đưa cho bị cáo; trên đường về bị cáo đưa số tiền này cho H và được H cho 1.000.000đ

Chiều ngày 29/10/2021, H bảo bị cáo cùng đến quầy xổ số của ông Đ để lấy số tiền thưởng còn lại nhưng ông Đ không trả và nói A và H đã sửa chữa số đề ghi trên “cáp đề” vì vậy nên xảy ra cãi vã, bị Công an xã L phát hiện sự việc. Bị cáo được H nhờ mua hộ số lô số đề, không biết H sửa chữa số đề trên cáp đề bị cáo mua hộ ngày 28/10/2021.

[1.4] Căn cứ vào lời khai của 3 bị cáo tại phiên tòa thì tổng số tiền bị cáo Vũ Công Đ và Trần Văn H, Hoàng Thế A mua bán số lô, số đề trong ngày 26/10/21 là 1.030.000 đồng; tổng số tiền mua bán số lô, số đề với nhau trong ngày 28/10/2021 là 2.400.000 đồng. Tại cơ quan điều tra bị cáo Đ khai do nhầm lẫn nên mới trả thưởng cho bị cáo H 8.400.000đ trúng số đề “46” mua với mức 100.000đ thực chất bị cáo H chỉ mua số đề này với mức 50.000đ; do đó tổng số tiền bị cáo Đ khai mua bán số lô số đề với bị cáo Trần Văn H, Hoàng Thế A ngày 27/10/2021 là 5.700.000 đồng.

Nhưng chính bị cáo Đ khai đã trả thưởng cho hai bị cáo H và A 04 triệu đồng ngay tối 27/10/2021, chiều ngày 28/10/2021 sau khi đối trừ số tiền bị cáo H mua tiếp số lô, số đề bị cáo còn trả tiếp cho bị cáo H số tiền 2.900.000đ; người làm chứng là bà Phan Thị T2 là vợ bị cáo khai nhận không thấy chồng là bị cáo Đ thắc mắc gì về việc trả thưởng cho H trong hai ngày 26 và 27/10/2021. Hơn nữa tờ giấy trong sổ ghi chép số lô, số đề ngày 27/10/2021 bị chính bị cáo Đ đã xé và đốt nên không thu giữ được các vật chứng này nên không có căn cứ chứng minh số tiền bị cáo H mua số đề “46” trúng thưởng ngày 27/10/2021 chỉ có 4.200.000đ triệu đồng do đó tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc ngày 27/10/2021 chỉ có 5.700.000đ. Vì vậy số tiền các bị cáo huy động vào việc đánh bạc ngày 27/10/2021 được Hội đồng xét xử xác định trúng thưởng 8.400.000đ dẫn đến tổng số tiền huy động đánh bạc là 10.100.000đ.

[1.5] Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Công Đ, Trần Văn H và Hoàng Thế A phù hợp với nhau; còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ là “cáp” đề ghi trên 01 tờ giấy có dòng kẻ ô ly nhãn hiệu Hải Tiến kích thước (16,2 x 20,5)cm trên mặt giấy có chữ viết tay bằng mực bút bi màu đen và mực màu xanh.



[1.6] Từ những chứng cứ nêu tại mục [1.1] đến [1.5] nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận tại khu vực xóm 2B xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; trong ngày 27/10/2021 bị cáo Vũ Công Đ có hành vi mua bán “số lô, số đề” với hai bị cáo Trần Văn H và Hoàng Thế A với tổng số tiền được huy động là 10.100.000đ. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 BLHS.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “**Điều 321. Tội đánh bạc**

*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên hành vi của Vũ Công Đ, Trần Văn H và Hoàng Thế A đã phạm tội “Đánh bạc” thuộc trường hợp “tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[1.7] Từ những chứng cứ tại mục [1.1] đến [1.5] nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn Huy lợi dụng việc mua số lô số đề trái pháp luật đã có thủ đoạn dùng bút tẩy xóa số đề “30” không trúng thưởng thành số đề “69” trúng thưởng trên “cáp” đề đã mua ngày 28/10/2022 nhằm chiếm đoạt số tiền 21 triệu của ông Vũ Công Đ và đã chiếm đoạt được 5 triệu đồng. Hành vi này của Trần Văn H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: “**Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”...*

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên hành vi của Trần Văn H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp tài sản chiếm đoạt “từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt đối với các bị cáo:

[2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương cần được xử lý nghiêm. Các bị cáo đủ năng lực, nhận thức rõ hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật; song để hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này HĐXX thấy tuy có ba bị cáo tham gia nhưng không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ mà chỉ đồng phạm mang tính giản đơn; Nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Văn H: bị cáo trực tiếp đánh bạc với bị cáo Đ, lợi dụng bị cáo A để thực hiện hành vi lừa đảo phạm hai tội giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo trong tội “Đánh bạc” không có; tình tiết tăng nặng đối bị cáo trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã *“phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên”* là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong cả hai tội bị cáo đã phạm đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo đã bồi thường số tiền chiếm đoạt cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H đã thực hiện trong tội “Đánh bạc”, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng; HĐXX thấy không cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng bằng hình phạt chính là phạt tiền là phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H đã thực hiện trong “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, chỉ có 01 tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 BLHS; nhân thân của bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào (mặc dù bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H, Thành phố Hà Nội ra Quyết định khởi tố bị can số 267 đối với Trần Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng Quyết định khởi tố bị can số 267 đối với Trần Văn H không được Viện kiểm sát nhân dân quận H phê chuẩn tại văn bản số 140/ CV-VKS-HS ngày 23/03/2012 ); là lao động chính trong gia đình có hai con còn nhỏ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo Trần Văn H phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[2.3] Đối với bị cáo Vũ Công Đ: bị cáo là người chủ động bán số lô, số đề của hai bị cáo Trần Văn H và Hoàng Thế A, giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là

người đủ 70 tuổi trở lên; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o, s, i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, nhân thân của bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào. HĐXX thấy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[2.4] Đối với bị cáo Hoàng Thế A: bị cáo đồng phạm với bị cáo H trong tội “đánh bạc” trong ngày 27/10/2021 với vai trò giúp sức giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng; HĐXX thấy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Đối với hành vi đánh bạc của Vũ Công Đ, Trần Văn H và Hoàng Thế A trong các ngày 26/10 và 28/10/2021 nhưng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ bản thân 03 bị cáo lúc này không có tiền án, tiền sự về hành vi “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc, gá bạc” nên chưa cấu thành tội “Đánh bạc” theo Điều 321 Bộ luật hình sự, các bị cáo bị xử lý hành chính là phù hợp.

[4] Đối với hành vi của Hoàng Thế A cùng mua số lô, số đề cùng với H và đi nhận tiền thắng bạc cho H ngày 28/10/2021; nhưng không biết việc H tẩy xóa, sửa chữa “cáp đề” nhằm chiếm đoạt tiền của ông Đ; không được bàn bạc trước nên Hoàng Thế A không đồng phạm với H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 tờ giấy có dòng kẻ ô ly nhãn hiệu Hải Tiến kích thước (16,2 x 20,5)cm trên mặt giấy có chữ viết tay bằng mực bút bi màu đen và mực màu xanh, 01 quyển vở học sinh kẻ ngang KT (17 x25)cm gồm 53 tờ cả bìa là vật chứng được lưu trữ trong hồ sơ vụ án nay tiếp tục được lưu giữ tại hồ sơ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9 pro màu trắng và sim điện thoại thu giữ của bị cáo Hoàng Thế A, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell M389 và sim điện thoại thu giữ của bị cáo Vũ Công Đ, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

[ 6] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp:

Trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo Trần Văn H đã trả lại cho Đ tổng số tiền 9.200.000đ; trong số tiền này thì khoản tiền 5.000.000đ do bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt ngày 28/10/2021 bị hại Vũ Công Đ được nhận lại là phù hợp. Số tiền 4.200.000đ mà bị cáo Đ cho rằng trả thưởng nhậm cho H ngày 27/10/2021 là không có căn cứ như Hội đồng xét xử đã đã nhận xét tại mục [1.4] nêu trên do đó cần truy thu số tiền 4.200.000đ này từ bị cáo Đ sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền các bị cáo huy động tham gia đánh bạc vào ngày 26/10/2021 là 1.030.000đ, ngày 28/10/2022 là 2.400.000đ chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị xử phạt hành chính về hành vi này nhưng các quyết định xử phạt hành chính số 2080, 2081, 2082 cùng ngày 04/04/2022 của UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình không truy thu số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, do đánh bạc mà có cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

Do đó số tiền cần truy thu được tính như sau: Bị cáo Đ bị truy thu số tiền đánh bạc ngày 26/10/2021 là 230.000đ; ngày 27/10/2021 là 1.750.000đ, ngày 28/10/2021 là 2.400.000đ tổng số tiền truy thu từ bị cáo Đ trong cả ba ngày là 4.380.000đ cùng với số tiền bị cáo H trả đã nêu ở mục trên là 4.200.000đ; tổng cộng truy thu từ bị cáo số tiền 8.580.000đ sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo H bị truy thu số tiền đánh bạc ngày 27/10/2021 là 1.300.000đ sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo A bị truy thu số tiền do đánh bạc ngày 27/10/2021 mà có là 1.000.000đ, ngày 28/10/2021 còn lại là 150.000đ; tổng số tiền truy thu từ bị cáo Anh là 1.150.000đ sung ngân sách nhà nước.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Các bị cáo Trần Văn H và Hoàng Thế A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Đ. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Huy;

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Vũ Công Diệm ;

Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Thế Anh;

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **1. Tuyên bố:**

- Các bị cáo Vũ Công Đ và Hoàng Thế A phạm tội “Đánh bạc”.
- Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Đánh bạc” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

#### **2. Xử phạt:**

- Phạt bị cáo Trần Văn H 24.000.000đ sung ngân sách nhà nước về tội “Đánh bạc”. Phạt bị cáo Trần Văn H 16 ( mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thời gian thử thách 32 tháng kể từ này tuyên án.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải thi hành 16 ( mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo và 24.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Giao UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bị cáo Vũ Công Đ 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

- Phạt bị cáo Hoàng Thế A 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

### **3. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:**

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 tờ giấy có dòng kẻ ô ly nhãn hiệu Hải Tiến kích thước (16,2 x 20,5)cm trên mặt giấy có chữ viết tay bằng mực bút bi màu đen và mực màu xanh, 01 quyển vở học sinh kẻ ngang KT (17 x25)cm gồm 53 tờ cả bì là vật chứng được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Công Đ 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell M389 và sim điện thoại nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thế A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9 pro màu trắng và sim điện thoại nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án

+ Truy thu từ bị cáo Vũ Công Đ số tiền 8.580.000đ sung quỹ nhà nước.

+ Truy thu từ bị cáo Hoàng Thế A số tiền số tiền 1.150.000đ sung quỹ nhà nước.

+ Truy thu từ bị cáo Trần Văn H số tiền 1.300.000đ sung quỹ nhà nước.

( chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện Kim Sơn và chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 29/04/2022).

**4. Án phí:** Buộc bị cáo Hoàng Thế A và Trần Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Công Đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Các bị cáo;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**